

Bản án số: 962/2024/DS-PT
Ngày 05-11-2024
Về việc: Tranh chấp Thừa kế và yêu cầu
hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,
quyền sở hữu nhà ở

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khương
Các thẩm phán: Ông Lê Văn An
Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 10 đến ngày 05 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 606/DSPT ngày 15 tháng 8 năm 2024 về tranh chấp: “Thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2024/DS-ST ngày 09-5-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3102/2024/QĐXXPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Tô Thị Thanh D, sinh năm 1963; địa chỉ: Số B, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Tô Thị Thanh D: Ông Trần Văn T, sinh năm 1970; địa chỉ: Số A, đường H, Khóm F, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 9/3/2021). (có mặt).

- Bị đơn: Cụ Trần Thị Kim L, sinh năm 1942 (chết ngày 04/12/2021). Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Trần Thị Kim L:

1. Ông Tô Thanh H, sinh năm 1982; địa chỉ: Số A, đường L, ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Ông Huỳnh Thành L1(L2), sinh năm 1967; địa chỉ: Số A, đường L, ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

3. Ông Huỳnh Thành N(L3), sinh năm 1968; địa chỉ: Đường H, ấp T, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

4. Bà Huỳnh Thị Thanh N1; địa chỉ: Khu G, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu(vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Tô Thanh S, sinh năm 1962; địa chỉ: Số B, đường P, Khóm C, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2. Ông Trần Văn T1, sinh năm 1960; địa chỉ: Số B, khu V, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

3. Bà Trần Thị Thanh H1, sinh năm 1979; địa chỉ: Số B, khu V, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

4. Bà Trần Thị Thanh X, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

5. Ông Trần Duy T2, sinh năm 1992; địa chỉ: Số B, khu V, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

6. Ông Trần Minh D1, sinh năm 1984; địa chỉ: Số B, khu V, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Văn T1, bà Trần Thị Thanh H1, bà Trần Thị Thanh X, ông Trần Duy T2: Ông Trần Minh D1, sinh năm 1984; địa chỉ: Số B, khu V, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền cùng ngày 07/6/2022) (có mặt).7. Ông Tô Thanh H, sinh năm 1982 (có mặt).

8. Ông Huỳnh Thành L1 (L2), sinh năm 1967 (vắng mặt).

9. Bà Lương Ngọc H2, sinh năm 1989 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số A, đường L, ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Tô Thanh H và bà Lương Ngọc H2: Ông Lý B, là Luật sư của Văn phòng L6, thuộc Đoàn luật sư tỉnh S; địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

10. Ông Huỳnh Thành N(L3), sinh năm 1968; địa chỉ: Đường H, ấp T, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

11. Bà Huỳnh Thị Thanh N1; Địa chỉ: Khu G, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

12. Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ: Số C, N, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của UBND huyện M: Ông Lưu Minh H3, Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M; địa chỉ: Đường T, ấp H, thị trấn M,

huyện M, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 10/11/2023) (vắng mặt).

Người có kháng cáo: Bà Tô Thị Thanh D, ông Tô Thanh H, ông Tô Thanh S và ông Trần Minh D1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2021 (BL số 01 - 02) và Đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 13/7/2023 (BL số 331), nguyên đơn bà Tô Thị Thanh D trình bày:

Cha bà là cụ Tô Tấn P, sinh năm 1936 (chết năm 1997) và cụ Trần Thị V, sinh năm 1936 (chết năm 1963); cha mẹ bà có 03 người con chung gồm: Bà Tô Thị Thanh L4 (chết năm 2020, có chồng là ông Trần Văn T1 và có 04 người con là ông Trần Minh D1, ông Trần Duy T2, bà Trần Thị Thanh H1 và bà Trần Thị Kim X1); ông Tô Thanh S; bà Tô Thị Thanh D.

Lúc sinh thời cha mẹ bà có tạo lập được diện tích đất 141,8m² (đo đạc thực tế là 158,8m²) thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 16, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 nay là số nhà A, đường L, ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, hiện do mẹ kế là cụ Trần Thị Kim L đứng tên.

Sau khi mẹ bà chết không để lại di chúc, thời gian sau thì cha cưới dì Ba (cụ Trần Thị Kim L). Lúc bấy giờ, các anh chị và bà đều đã có gia đình và ra sống riêng. Dì Ba chung sống với cha bà tại căn nhà mà cha và mẹ bà tạo lập. Cha bà và dì Ba chung sống với nhau có 01 người con chung là ông Tô Thanh H.

Sau khi cha bà chết bà có trao đổi với người em cùng cha khác mẹ tên Tô Thanh H, đề nghị ông H cùng dì Ba chia cho anh em bà một phần giá trị tài sản của cha mẹ bà để lại thì bị từ chối.

* Bà D yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau:

Xác định căn nhà tường (cấp 4), tọa lạc tại số A, đường L, ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng và phần đất gắn liền thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 16, diện tích 158,8m² là di sản thừa kế do cha, mẹ là cụ Tô Tấn P và cụ Trần Thị V chết để lại và chia thừa kế theo quy định của pháp luật, bà xin được nhận giá trị tài sản.

Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 377/CN.UBH95 ngày 01/07/1995 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho cụ Tô Tấn P và cụ Trần Thị Kim L, đối với căn nhà số A (nay là số A), đường L, ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 222702 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 17/01/2007 cho cụ Trần Thị Kim L đối với phần đất có diện tích 134,4m², thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Theo Đơn phản tố ngày 05/7/2021 (BL số 41 - 42), bị đơn cụ Trần Thị Kim L trình bày:

Vào năm 1957, chồng bà là cụ Tô Tấn P kết hôn với cụ Trần Thị V, năm 1958, sinh được 04 người con: Tô Thanh T3 (chết năm 1964, không có gia đình riêng), Tô Thị Thanh L4, Tô Thanh S, Tô Thị Thanh D.

Thời gian từ 1957 - 1963, cụ P, cụ V sống chung với mẹ chồng bà. Đến năm 1963, mẹ chồng cho cụ P một thửa đất và cho tiền cụ P xây dựng căn nhà cấp bốn trên thửa đất hiện nay. Sau khi sinh bà D, cụ V chỉ ở trong căn nhà mới này được khoảng 20 ngày thì chết. Bà D được bà ngoại ẵm về Đ nuôi nấng. Đến năm 1981, cụ P kết hôn với bà. Năm 1982, bà sinh ông Tô Thanh H.

Như vậy, nhà đất nêu trên là của cụ P được mẹ ông tặng cho riêng. Do tình trạng nước ngập thường xuyên, ngày càng cao nên bà và con bà là ông H phải bồi đắp, nâng nền nhà trước, nhà sau và phần nền mộ nhiều lần. Từ đó, bà có làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) cho bà. Ngày 17/01/2007, UBND huyện M đã cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho bà đứng tên diện tích 134,4m², loại đất ở đô thị. Thời gian bà chung sống với cụ P (từ năm 1981 đến năm 1997) và đến nay căn nhà trước được sửa chữa, nâng cấp gần như toàn bộ, ông H là người đã chi khoảng tiền sửa chữa, nâng cấp căn nhà trước. Năm 2000, ông H cất thêm căn nhà sau chiều ngang khoảng 05m, chiều dài khoảng 40m, mái lợp tole, nền gạch hoa, vách tường.

Năm 1995, cụ P đã đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và đã được UBND huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở cho cụ P và cụ L ngày 01/7/1995. Hiện trạng căn nhà trước chỉ còn 02 vách tường đã được ông H nâng cao nhiều lần do nâng nền vì nước ngập. Còn căn nhà sau do ông H xây dựng năm 2000, nên không phải là di sản của cụ P.

Hằng năm, mẹ con bà cúng giỗ cụ P, cụ V, cụ T3, không thấy các con cụ V tới cúng. Ngoài ra, chính ông H chăm sóc, bồi đắp, sửa sang mồ mã của cụ P, cụ V, cụ T3, các con của cụ V không quan tâm đến việc này.

Chính ông H đã thuê người lấy cốt, chuyển hài cốt của cụ P, cụ V, cụ T3 từ nơi khác về chôn ở sau căn nhà số A, đường L. Ông H đã chi tiền để xây nhà mồ cho 03 phần mộ này.

* Do đó, cụ L yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án giải quyết các nội dung sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế của cụ Trần Thị V, vì cụ V chết không để lại di sản.

Đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ số 16, diện tích 134,4m², trên đất có căn nhà số A, tọa lạc tại ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, bà đã được UBND huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số vào sổ 303.H ngày 17/01/2007. Như vậy, đối với thửa đất này, bà là chủ sử dụng, không phải là di sản thừa kế.

Đối với căn nhà số A đường L, ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng: Di sản của cụ P để lại chỉ là giá trị 1/2 căn nhà trước (1/2 giá trị căn nhà trước còn lại thuộc quyền sở hữu của bà). Qua nhiều lần nâng nền, sửa chữa, nâng cấp nhà, di sản của cụ P để lại chỉ còn là 1/2 giá trị của 02 bức tường mà ông H đã nâng cao vì nước ngập. Căn nhà sau thuộc quyền sở hữu của ông H, không phải là di sản thừa kế.

- Theo Đơn yêu cầu độc lập đề ngày 07/6/2022 (BL số 67), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T1 trình bày:

Ông là chồng của bà Tô Thị Thanh L4, hiện nay bà L4 đã mất năm 2020. Bà L4 với ông chung sống với nhau có được 04 người con gồm: Trần Thị Thanh H1, sinh năm 1979; Trần Thị Thanh X, sinh năm 1982; Trần Minh D1, sinh năm 1984; Trần Duy T2, sinh năm 1992.

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Tô Thị Thanh D, ông xác định là đúng.

* Do đó, ông yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết như sau:

Xác định căn nhà tường (cấp 4), tọa lạc số 110, đường L, ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng và phần đất gắn liền thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 16, diện tích 135m² là di sản thừa kế của cha mẹ vợ ông là cụ Tô Tấn P và cụ Trần Thị V chết để lại.

Khi phân chia thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà D thì xem xét công nhận cho ông và các con được hưởng một phần thừa kế của vợ ông theo quy định của pháp luật. Ông yêu cầu được nhận giá trị hiện vật thừa kế được chia. Giá trị mà ông được hưởng trị giá khoảng 400.000.000 đồng.

- Theo Đơn yêu cầu độc lập đề ngày 30/5/2022 (BL số 94), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tô Thanh S trình bày:

Theo nội dung đơn khởi kiện của bà D, ông hoàn toàn nhất trí là đúng. Tài sản hiện do người em trai cùng cha, khác mẹ của ông tên Tô Thanh H đang quản lý, sử dụng là một căn nhà tường (cấp 4), tọa lạc số 110, đường L, ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng và phần đất gắn liền thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 16, diện tích hiện còn khoảng 135m², do mẹ kế là cụ Trần Thị Kim L đứng tên.

* Do đó, ông yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết như sau:

Xác định căn nhà tường (cấp 4), tọa lạc số 110, đường L, ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng và phần đất gắn liền thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 16, diện tích 135m² là di sản thừa kế của cha mẹ ông là cụ Tô Tấn P và cụ Trần Thị V chết để lại.

Khi phân chia thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà D thì xem xét công nhận cho ông được hưởng một phần thừa kế theo quy định của pháp luật. Ông yêu cầu được nhận giá trị hiện vật thừa kế được chia. Giá trị mà ông được hưởng trị giá khoảng 400.000.000 đồng.

- Theo Đơn yêu cầu độc lập đề ngày 10/11/2023 (BL số 370 - 371), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tô Thanh H trình bày:

Năm 1978, cụ Tô Tấn P (sinh năm 1936, chết năm 1997) lập gia đình với cụ Trần Thị Kim L (sinh năm 1942, chết năm 2021). Đến năm 1982, cụ P và cụ L sinh được ông Tô Thanh H.

Đến ngày 01/7/1995, cụ P và cụ L được UBND huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, số A đường L, ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng với diện tích 45,57m², mái ngói, vách xây gạch, nền gạch hoa, (không rõ nguồn gốc đất) do nhà tồn tại đã lâu năm, xuống cấp nghiêm trọng nên ông đã

cải tạo, sửa chữa phần lớn kết cấu của căn nhà, chỉ còn lại một phần hai bức tường là còn nguyên thủy.

Sau khi cụ P chết, đến ngày 17/01/2007 Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho riêng cụ L có nguồn gốc là đất gốc của gia đình (không phải của cụ P), diện tích biến động tăng từ 45,57m² lên 134,4m² theo sổ mục kê là 141,8m², hiện trạng 158,8m² do công sức ông cùng cụ L giữ gìn tài sản và bồi đắp làm tăng diện tích đất.

Toàn bộ các thủ tục, chi phí đăng ký thửa đất số 16, bản đồ số 16 là do cụ L kê khai và chi trả. Ngày 04/12/2021, cụ L chết không để lại di chúc cho ai. Ngoài cụ P, cụ L còn có một người chồng trước là ông Huỳnh Kim L5 (đã chết 1971), cụ L và ông L5 có ba người con chung: Huỳnh Thành L1, Huỳnh Thành N, Huỳnh Thị Thanh N1.

Ngoài ra, cụ P có người vợ trước là cụ Trần Thị V (sinh năm 1936, chết năm 1963), cụ P và cụ V có 03 người con chung: bà Tô Thị Thanh L4 (chết năm 2020), Tô Thanh S, Tô Thị Thanh D.

Sau khi cụ V chết, bà L4, ông S và bà D dần dần trưởng thành, có gia đình ra ở riêng và không còn liên quan gì đến tài sản gắn liền trên thửa đất số 16, bản đồ số 16 nêu trên. Thửa đất này do ông cùng cụ L gìn giữ, chiếm hữu sử dụng ổn định, lâu dài, từ thời cụ L lập gia đình với cụ P năm 1978, đến nay đã kéo dài 45 năm.

Ông không đồng ý với yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 377/CN.UBH95 ngày 01/7/1995 do UBND huyện M cấp cho cụ P và cụ L và không đồng ý với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận QSDĐ số AI 222702 do UBND huyện M cấp ngày 17/01/2007 cho cụ L.

* Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết như sau:

Xác định di sản thừa kế nhà và đất gắn liền trên thửa đất số 16, tờ bản đồ số 16, diện tích 158,8m², tọa lạc ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng là của cụ Trần Thị Kim L, không phải là di sản thừa kế của cụ Tô Tấn P và cụ Trần Thị V chết để lại.

Yêu cầu phân chia di sản thừa kế của cụ Trần Thị Kim L gồm nhà và đất gắn liền trên thửa đất số 16, tờ bản đồ số 16, diện tích 158,8m², tọa lạc ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Ông yêu cầu được nhận hiện vật và đồng ý trả giá trị kỷ phần thừa kế cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trần Thị Kim L.

Yêu cầu Tòa án xác định thời hiệu di sản thừa kế đối với cụ Tô Tấn P và bà Trần Thị V, để làm căn cứ bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu độc lập của các đương sự khác có quyền lợi đối lập với cụ Trần Thị Kim L.

- *Tại Biên bản hòa giải ngày 21/11/2022 và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Ngọc H2 trình bày:*

Bà thống nhất với ý kiến và yêu cầu của ông Tô Thanh H.

- *Tại Biên bản hòa giải ngày 21/11/2022 và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và cũng là người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn T1 là ông Trần Minh D1 trình bày:*

Ông thống nhất với ý kiến và yêu cầu của ông Trần Văn T1.

- *Tại Công văn số 1102, ngày 24/10/2023 (BL số 382), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện M trình bày:*

Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, UBND huyện M cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 17/01/2017 cho cụ Trần Thị Kim L đứng tên là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại thời điểm cấp giấy chứng nhận.

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở cho cụ Tô Tấn P và cụ L ngày 01/7/1995, do hồ sơ bị thất lạc mất, nên không có cơ sở để phúc đáp theo yêu cầu của Tòa án.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2024/DS-ST ngày 09-5-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, đã tuyên xử.

1. Chấp nhận yêu cầu phản tố của cụ Trần Thị Kim L và yêu cầu độc lập của ông Tô Thanh H.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tô Thị Thanh D, yêu cầu độc lập của ông Trần Văn T1 về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Trần Thị V chết để lại.

Đình chỉ đối với yêu cầu độc lập của ông Tô Thanh S về việc yêu cầu Tòa án giải quyết xác định căn nhà số A, đường L và thửa đất số 16, tờ bản đồ số 16 là di sản thừa kế của cụ P và cụ V chết để lại và chia thừa kế theo pháp luật.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tô Thị Thanh D, yêu cầu độc lập của ông Trần Văn T1 về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Trần Thị V chết để lại và yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị Thanh D về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 377/CN.UBH95, ngày 01/7/1995 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho cụ Tô Tấn P và cụ Trần Thị Kim L đối với căn nhà số cũ 100 (số mới 110) và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 222702 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 17/01/2007 cho cụ Trần Thị Kim L, đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại đường L, ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tô Thị Thanh D, yêu cầu độc lập của ông Trần Văn T1 về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Tô Tấn P chết để lại.

Chia di sản thừa kế của cụ Tô Tấn P và di sản thừa kế của cụ Trần Thị Kim L chết để lại theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

- Chia và giao cho ông Tô Thanh H thửa đất số 16, tờ bản đồ số 16, diện tích 158,8m² và căn nhà số cũ 100 (số mới là 110) gắn liền trên thửa đất và tài sản trên đất tọa lạc tại đường L, ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất có số đo, tứ cận như sau: Hướng đông giáp thửa đất số 01, do ông Trần Văn B1 đứng tên, có số đo 1,86m + 2,58m + 19,47m + 4,07m + 2,55m. Hướng tây giáp thửa đất số 15, có số đo 1,91m + 2,53m + 19,25m + 8,25m. Hướng nam giáp đường L, có số đo

5,37m. Hướng bắc giáp thửa đất số 01, do ông Trần Văn B1 đứng tên, có số đo 4,30 (Theo sơ đồ hiện trạng thửa đất ngày 09/4/20224).

- Buộc ông Tô Thanh H có trách nhiệm trả giá trị kỷ phần thừa kế cho bà Tô Thị Thanh D, bà Tô Thị Thanh L4 và ông Tô Thanh S mỗi người số tiền 254.589.500 đồng (hai trăm năm mươi bốn triệu năm trăm tám mươi chín nghìn năm trăm đồng). Riêng kỷ phần thừa kế của bà Tô Thị Thanh L4 được chuyển tiếp cho ông Trần Văn T1, ông Trần Minh D1, ông Trần Duy T2, bà Trần Thị Thanh H1 và bà Trần Thị Kim X1.

- Buộc ông Tô Thanh H có trách nhiệm trả giá trị kỷ phần thừa kế cho ông Huỳnh Thành L1 (Liêm), ông Huỳnh Thành N(L3) và bà Huỳnh Thị Thanh N1 mỗi người số tiền 381.884.250 đồng (Ba trăm tám mươi một triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí tố tụng, lãi suất và quyền kháng cáo.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, bà Tô Thị Thanh D, ông Tô Thanh S và ông Trần Minh D1 đều có Đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng xác định diện tích 158,8m² và căn nhà số A đường L, ấp C, thị trấn M, huyện M là di sản của cụ Tô Tấn P và cụ Trần Thị V và đề nghị chia thừa kế của cụ P và cụ V theo quy định của pháp luật;

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, ông Tô Thanh H có Đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng xác định diện tích 158,8m² và căn nhà số A đường L, ấp C, thị trấn M, huyện M là di sản của cụ Trần Thị Kim L. Xin rút yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích đất 158,8m² của cụ L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H và bà H2 trình bày:

Xét về nguồn gốc đất thì nguyên đơn không có giấy tờ gì chứng minh rõ ràng nhà và đất tranh chấp có liên quan đến cụ V, nhưng cụ P và cụ L thì có giấy tờ hợp pháp là giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà được cấp năm 1995, cấp cho cụ P và cụ L; đến năm 2007 thì cụ L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận thể hiện nguồn gốc là của gia đình cụ L. Hơn nữa, cụ L quản lý, sử dụng ngay tình liên tục trên 40 năm nên thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của cụ L.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Tô Thanh H, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu độc lập của ông T1, ông S và đề nghị chấp nhận yêu cầu phản tố của cụ L, yêu cầu độc lập của ông H.

- Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Thời hiệu chia thừa kế di sản nhà và đất của cụ V là 30 năm, tính đến ngày bà D khởi kiện chia thừa kế là 30 năm 07 tháng là đã hết thời hiệu, nên Tòa án đình chỉ là có căn cứ.

Bà Tô Thị Thanh D, ông Tô Thanh H, ông Tô Thanh S và ông Trần Minh D kháng cáo không có chứng cứ gì mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

[1]. Đơn kháng cáo của các bà Tô Thị Thanh D, ông Tô Thanh H, ông Tô Thanh S và ông Trần Minh D là trong hạn, hợp lệ nên được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Ông Tô Thanh S là người có kháng cáo vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử xem xét kháng cáo vắng mặt ông S theo thủ tục chung.

*** Về nội dung:**

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bà Tô Thị Thanh D, ông Tô Thanh H và ông Trần Minh D đều xác định nội dung: Cụ Tô Tấn P và cụ Trần Thị V là vợ chồng sống với nhau từ năm 1957. Có 04 người con, gồm: Tô Thanh T3 (chết năm 1964), Tô Thị Thanh L4, Tô Thanh S và Tô Thị Thanh D. Quá trình chung sống cụ P và cụ V được cha mẹ của cụ P là cụ Tô Minh Đ và cụ Huỳnh Thị Đông T4 cho diện tích đất 158,8m² và cho tiền để xây dựng căn nhà cấp 04 trên đất (hiện nay là thửa đất số 16, tờ bản đồ số 16; căn nhà số cũ 100, số mới là 110 đường L, ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng) nhưng cụ P và cụ V chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhà ở. Năm 1963, cụ V chết không để lại di chúc. Sau khi cụ V chết. Năm 1978, cụ P kết hôn với cụ Trần Thị Kim L, cụ P và cụ Liên tiếp T5 sinh sống tại nhà đất trên. Cụ P và cụ L có chung 01 người con là ông Tô Thanh H. Ngày 01/7/1995, cụ P và cụ L được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 377/CN.UBH95. Năm 1997, cụ P chết không để lại di chúc. Ngày 17/01/2007, cụ L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 222702. Chi phí sửa chữa nhà do ông Tô Thanh H bỏ ra. Căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, những tình tiết, sự kiện trên được các đương sự thừa nhận nên không phải chứng minh.

[4]. Bà Tô Thị Thanh D, ông Tô Thanh S và ông Trần Minh D cho rằng thời hiệu chia thừa kế di sản nhà và đất của cụ V là 32 năm 06 tháng, tính đến ngày cụ L khởi kiện chia thừa kế mới 30 năm 07 tháng là đang còn thời hiệu khởi kiện. Còn ông Tô Thanh H thì cho rằng, thời hiệu chia thừa kế di sản nhà và đất của cụ V là 30 năm, tính đến ngày cụ L khởi kiện chia thừa kế đã 30 năm 07 tháng là đã hết thời hiệu khởi kiện.

[5]. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời thừa nhận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm nêu trên, có căn cứ xác định:

Diện tích đất 158,8m² và 01 căn nhà cấp 04 trên đất (căn nhà phía trước) tọa lạc tại số A, đường L, ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng là tài sản được cha mẹ cụ P tặng cho vợ chồng cụ P và cụ V trong thời kỳ hôn nhân, do đó nhà, đất này là di sản thừa kế của cụ P và cụ V. Còn cụ L, năm 1978 mới kết hôn với cụ P nên cụ L chỉ có công sức đóng góp vào việc quản lý, kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở làm tăng giá trị của nhà, đất. Riêng ông Tô Thanh H chỉ là người bỏ ra chi phí để cải tạo nâng cấp căn nhà.

[6]. Tòa án cấp sơ thẩm xác định 50% khối tài sản nêu trên thuộc về cụ P và 50% khối tài sản nêu trên thuộc về cụ V là có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định 50% di sản nhà, đất nêu trên của cụ V đã hết thời hiệu nên cụ P là người đang quản lý, sử dụng liên tục trên 30 năm nên 50% của cụ V thuộc quyền sử dụng, sở hữu của cụ P; Do cụ L là vợ hợp pháp của cụ P nên cụ L được 50% giá trị nhà đất nêu trên, đồng thời chia di sản này của cụ P và cụ L cho các đồng thừa kế của cụ L và cụ P được hưởng là không có căn cứ, không phù hợp với khoản 1 và khoản 2 Điều 17 của Nghị quyết số 58/1998/NQ-UBTVQH ngày 20/8/1998 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Công văn giải đáp số 02/GĐ-TANDTC ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao. Bởi lẽ, theo quy định Điều 623 Bộ luật Dân sự 2015 thời hiệu khởi kiện chia thừa kế là 30 năm kể từ thời điểm mở thừa kế, nhưng trường hợp người khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của người chết trước năm 1990 thì thời hiệu sẽ được tính từ ngày 10/09/1990 (ngày có hiệu lực của Pháp lệnh thừa kế số 44-LCT/HĐNN8) và thời gian từ ngày 01/7/1996 đến ngày Nghị quyết số 58/1998/NQ-UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội có hiệu lực (ngày 01/01/1999) không tính vào thời hiệu trong thủ tục giải quyết các vụ án dân sự, đối với giao dịch dân sự về nhà ở được xác lập trước ngày 01/9/1991. Như vậy, căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất nêu trên thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ V được tính từ ngày 10/09/1990 là 32 năm 06 tháng, tính đến ngày 22/4/2021 bà D khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ V mới 30 năm 7 tháng (tính tròn) là vẫn còn thời hiệu.

[7]. Do, Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai về thời hiệu khởi kiện đình chỉ giải quyết chia thừa kế đối với 50% di sản là nhà, đất nêu trên của cụ V, dẫn đến sai lầm về đường lối chia di sản thừa kế của P và cụ L, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đồng thừa kế của cụ V mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, nên cần chấp nhận một phần kháng cáo của bà Tô Thị Thanh D, ông Tô Thanh S, ông Tô Thanh H và ông Trần Minh D1 hủy Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại cho đúng quy định của pháp luật.

[8]. Trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm (ngày 18 tháng 9 năm 2024) ông Tô Thanh H có nộp Đơn yêu cầu thay đổi kháng cáo trong đó xin rút lại yêu cầu chia thừa kế về quyền sử dụng đất diện tích 158,8m² đất của cụ L. Việc xin rút lại yêu cầu độc lập nêu trên của ông H, Tòa án cấp sơ thẩm xem xét khi thụ lý, giải quyết lại vụ án.

[9]. Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Tô Thanh H và bà Lương Ngọc H2 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Tô Thanh H, sửa bản án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận.

[10]. Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời hiệu chia thừa kế di sản nhà và đất của cụ V đã hết và chia di sản thừa kế của cụ P và cụ L theo quy định của pháp luật là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các đương sự giữ nguyên bản án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận.

[11]. Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác: sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét khi thụ lý, giải quyết lại vụ án.

[12]. Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Tô Thị Thanh D, ông Tô Thanh S, ông Tô Thanh H và ông Trần Minh D1 được chấp nhận một phần nên các đương sự này không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và khoản 2 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Tô Thị Thanh D, ông Tô Thanh S, ông Tô Thanh H và ông Trần Minh D1.

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2024/DS-ST ngày 09-5-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác: Sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét khi thụ lý, giải quyết lại vụ án.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn trả lại cho ông Trần Minh D1 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, theo Biên lai thu tạm ứng án phí số: 0002923 ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng;

Hoàn trả lại cho bà Tô Thị Thanh D 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, theo Biên lai thu tạm ứng án phí số: 0002924 ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng;

Hoàn trả lại cho ông Tô Thanh S 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, theo Biên lai thu tạm ứng án phí số: 0002925 ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng;

Hoàn trả lại cho ông Tô Thanh H 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, theo Biên lai thu tạm ứng án phí số: 0002927 ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại TPHCM;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu: HS. LT. ĐTTB (25b).

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Khương